

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CAO SU THỐNG NHẤT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 127/CBTT-TRC

Bà Rịa, ngày 17 tháng 01 năm 2025.

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT**

- Mã chứng khoán: **TNC**

- Địa chỉ: Số 256, đường 27/4, P. Phước Hưng, TP Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa-Vũng
Tàu

- Điện thoại liên hệ: 02543.823119

Fax: 02543.823120

- E-mail: thongnhat.trc@gmail.com

2. Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo tài chính quý IV năm 2024.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 17/01/2025 tại đường dẫn <http://trc.com.vn/quanhecodong.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

Báo cáo tài chính quý IV năm 2024.



**Đại diện tổ chức
Người ủy quyền công bố thông tin**

Nguyễn Nhật Thành Lâm

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN



CP CAO SU THỐNG NHẤT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ IV NĂM 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		213.634.116.800	202.569.925.259
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		15.056.562.496	10.619.756.382
Tiền	111		15.056.562.496	10.619.756.382
Các khoản tương đương tiền	112			
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		136.100.000.000	136.100.000.000
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá CK kinh doanh ngắn hạn (*)	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		136.100.000.000	136.100.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11.034.219.273	12.010.234.345
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		10.053.059.164	7.111.095.895
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.243.981.570	1.116.431.709
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136		5.268.335.424	9.079.531.676
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(5.531.156.885)	(5.296.824.935)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		51.265.840.056	42.658.057.427
Hàng tồn kho	141		51.265.840.056	42.658.057.427
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		177.494.975	1.181.877.105
Chi phí trả trước ngắn hạn	151			-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		177.494.975	1.181.877.105
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		160.131.512.674	164.159.298.352
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		101.138.150.946	111.827.864.265
Tài sản cố định hữu hình	221		101.138.150.946	111.827.864.265
Nguyên giá	222		190.201.928.900	196.638.001.830
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(89.063.777.954)	(84.810.137.565)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		340.000.000	340.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(340.000.000)	(340.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		18.585.499.313	16.865.793.308
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		18.585.499.313	16.865.793.308
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		33.111.175.704	31.611.175.704
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		26.811.175.704	26.811.175.704
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		6.300.000.000	4.800.000.000

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
VI. Tài sản dài hạn khác	260		7.296.686.711	3.854.465.375
Chi phí trả trước dài hạn	261		7.296.686.711	3.854.465.375
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		373.765.629.474	366.729.223.911
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		32.863.850.163	34.194.957.296
I. Nợ ngắn hạn	310		32.863.850.163	34.194.957.296
Phải trả người bán ngắn hạn	311		3.007.545.075	1.493.301.662
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		422.891.898	5.572.115.798
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313		1.844.923.088	987.828.358
Phải trả người lao động	314		8.826.689.170	8.928.179.710
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		256.648.000	271.228.600
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319		2.037.039.763	2.158.878.255
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		16.468.113.169	14.783.424.913
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		340.901.779.311	332.534.266.615
I. Vốn chủ sở hữu	410		340.901.779.311	332.534.266.615
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		192.500.000.000	192.500.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		192.500.000.000	192.500.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		105.832.657.290	105.832.657.290
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		42.569.122.021	34.201.609.325
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.527.420.125	34.201.609.325
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		41.041.701.896	-
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
Địa chỉ: 256 đường 27/4, P.Phước Hưng, TP.Bà Rịa

Mẫu số B 01 - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
Nguồn kinh phí	431			
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		373.765.629.474	366.729.223.911



LÊ THỊ KIM PHƯƠNG
Người lập Bảng



ĐINH TẤN THÔNG TIN
Kế Toán Trưởng



NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
Tổng Giám đốc
Bà Rịa, ngày 17 tháng 01 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Mã số	Thuyết minh	Quý 04		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay		Năm trước	
			VND	VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		42.614.934.053	32.732.810.496	143.177.885.523	129.522.967.763
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
Doanh thu thuần	10		42.614.934.053	32.732.810.496	143.177.885.523	129.522.967.763
Giá vốn hàng bán	11		27.308.559.787	25.368.201.805	104.160.947.904	108.129.259.043
Lợi nhuận gộp	20		15.306.374.266	7.364.608.691	39.016.937.619	21.393.708.720
Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.681.097.784	3.002.905.366	16.972.972.693	24.155.663.773
Chi phí tài chính	22		-	2.025.205	-	465.781.370
Trong đó: chi phí lãi vay						
Chi phí bán hàng	24		2.211.306.033	402.727.880	8.457.876.157	1.822.039.246
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6.093.029.124	4.716.743.635	12.422.964.047	10.926.331.737
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		8.683.136.893	5.246.017.337	35.109.070.108	32.335.220.140
Thu nhập khác	31		7.688.769.887	625.980.500	13.719.807.656	5.826.014.085
Chi phí khác	32		856.225.868	(240.071.302)	1.846.009.308	1.088.126.147
Lợi nhuận khác	40		6.832.544.019	866.051.802	11.873.798.348	4.737.887.938
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		15.515.680.912	6.112.069.139	46.982.868.456	37.073.108.078
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		2.491.121.956	1.005.400.110	5.941.166.560	4.261.498.095
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		13.024.558.956	5.106.669.029	41.041.701.896	32.811.609.983
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		677	265	2.132	1.704
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		677	265	2.132	1.704

Phuol
LÊ THỊ KIM PHƯƠNG
Người lập Bảng

Đinh Tân Thông Tin
ĐINH TÂN THÔNG TIN
Kế toán trưởng

Nguyễn Nhật Thành Lâm
NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
Tổng Giám đốc

Bà Rịa, ngày 17 tháng 01 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này Năm nay VND	Năm trước VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		46.982.868.456	37.073.108.018
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		10.234.595.812	9.705.877.329
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03		234.331.950	
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(26.140.892.753)	(29.981.677.858)
Chi phí lãi vay	06			-
Các khoản điều chỉnh khác	07			465.781.370
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08		31.310.903.465	17.263.088.919
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(5.569.064.102)	(15.222.271.131)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(8.607.782.629)	(9.225.690.639)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11		(3.566.923.841)	29.161.744.487
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12		(3.442.221.336)	(993.900.812)
Tiền lãi vay đã trả	13			
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(5.024.075.328)	(5.963.853.569)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		725.293.200	
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		1.924.688.256	(2.603.370.691)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		7.750.817.685	12.415.746.564
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		11.152.439.855	3.142.670.324
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		7.688.769.887	5.826.014.085
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.500.000.000)	(30.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24			
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		14.073.156.769	25.663.083.217
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		31.414.366.511	4.631.767.626
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32		-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(34.728.378.082)	(10.411.016.679)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(34.728.378.082)	(10.411.016.679)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50		4.436.806.114	6.636.497.511
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60		10.619.756.382	3.983.258.871
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70		15.056.562.496	10.619.756.382

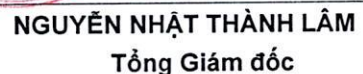


LÊ THỊ KIM PHƯƠNG
Người lập Bảng



ĐINH TẤN THÔNG TIN
Kế toán trưởng




NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2024

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV Năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất (dưới đây gọi là “Công ty”) được chuyển thể từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 22/2005/QĐ-TTg ngày 26 tháng 01 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới một số doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và theo Quyết định số 4993/QĐ-UBND ngày 23/12/2005 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Cao su Thống Nhất thành Công ty cổ phần.

Ngày 26 tháng 06 năm 2006, Công ty Cao su Thống Nhất chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000263 và cấp lại mã số doanh nghiệp số 3500100424 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp lần thứ 3 vào ngày 15/7/2016, vốn điều lệ của Công ty là 192.500.000.000 đồng.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Nông nghiệp & công nghiệp chế biến

3. Ngành nghề kinh doanh:

Trồng mới, chăm sóc, khai thác, sơ chế, mua bán cao su; Chế biến, mua bán nông sản, rau quả, thức ăn gia súc, gỗ và các sản phẩm từ gỗ cao su, gỗ rừng trồng; Chăn nuôi gia súc, gia cầm; Dọn dẹp, tạo mặt bằng xây dựng (San lấp mặt bằng); Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; Khai thác vật liệu xây dựng, khai thác khoáng sản (đất, đá, cát); Mua bán phế liệu các loại; mua bán vật tư kim khí, thiết bị ô tô, xe máy, hoá chất (không phải hoá chất có tính độc hại mạnh và cấm lưu thông), phân bón và nông lâm sản, cao su; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá; Kinh doanh ván Okal, ván MDF, gỗ ván nhân tạo các loại; Kinh doanh ô tô các loại: xe mới 100% và xe đã qua sử dụng.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường:

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

6. Cấu trúc doanh nghiệp:

Văn phòng chính của Công ty đặt tại 256 đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

- Danh sách các đơn vị trực thuộc Công ty không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

+ *Nông trường Cao su Hòa Bình 2 – Xã Bàu Lâm, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu;*

+ *Đội Cao su Phong Phú - Xã Long Phước, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;*

+ *Nhà máy CB Mủ Cao Su Bàu Non - Xã Bàu Lâm, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu;*

+ *Đội Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Thống Nhất - Xã Đá Bạc, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;*

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm;

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đơn vị tiền tệ trong kế toán là Đồng Việt Nam.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2024

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính V/v Hướng dẫn chế độ kế toán Doanh nghiệp;

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng:

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

- Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.
- Công ty tổ chức công tác kế toán theo hình thức tập trung. các đơn vị trực thuộc thực hiện hình thức kế toán báo sổ về Công ty.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm cuối năm tài chính, các tài sản bằng tiền và nợ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá tại ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch đánh giá lại được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất).

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2024

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

lỗi thời...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong năm.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau :

Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 20 năm
Máy móc thiết bị	5 - 12 năm
Phương tiện vận tải	5 - 07 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	4 - 07 năm

7. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm quản lý vườn cây được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao 06 năm.

8. Xây dựng cơ bản dở dang (“XDCB”)

8.1 Vườn cây cao su

Vườn cây cao su trong giai đoạn đầu tư được ghi nhận như chi phí xây dựng cơ bản dở dang và không trích khấu hao cho đến khi vườn cây cao su được đưa vào khai thác.

Giá gốc của vườn cây cao su khi đưa vào khai thác được xác định bằng diện tích khai thác nhân với suất đầu tư. Khi thanh lý vườn cây cao su, phần chênh lệch giữa giá trị thu hồi và giá trị còn lại của vườn cây cao su được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Khấu hao của vườn cây cao su được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ước tính 20 năm.

8.2 Xây dựng cơ bản dở dang khác

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác là chi phí xây dựng các công trình chưa hoàn thành, mua sắm máy móc thiết bị chưa nghiệm thu và không trích khấu hao trong suốt giai đoạn đầu tư xây dựng dở dang.

9. Các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư vào đơn vị khác mà chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên một năm.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức

kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với

mức trích lập tương ứng với tỷ lệ vốn góp của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

10. Các khoản phải trả và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2024

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận vào chi phí phát sinh nhưng thực tế chưa chi trả trong năm và được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

12. Quỹ tiền lương

Tiền lương được tính và ghi nhận vào chi phí trong năm tài chính này căn cứ theo phương án do Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

13. Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận trước thuế. Riêng đối với hoạt động sau:

-Hoạt động trồng trọt, chế biến nông sản thực hiện tại Nông trường cao su Hoà Bình 2, Nông trường cao su Phong phú thuộc địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn (huyện Châu Đức và huyện Xuyên Mộc). Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thu nhập doanh nghiệp là 10% trên lợi nhuận trước thuế.

-Hoạt động trồng trọt, chế biến nông sản thực hiện tại Thành phố Bà Rịa không thuộc địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thu nhập doanh nghiệp là 15% trên lợi nhuận trước thuế.

15. Các bên có liên quan

Các bên được xem là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động, các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba. Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2024

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Công ty TNHH Hưng Nhон	Đồng Nai, Việt Nam	Cổ đông lớn
Công ty CP Phát triển Công nghệ và Dịch vụ Sáng Tạo	TP.HCM, Việt Nam	Bên liên quan
Công ty TNHH Phân Bón Hữu Cơ Bách Tùng	Đồng Nai, Việt Nam	Bên liên quan

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:

1. Tiền	Cuối năm		Đầu năm
- Tiền mặt	393.275.618		592.351.310
- Tiền gửi ngân hàng	14.663.286.878		10.027.405.072
- Các khoản tương đương tiền			
Tổng cộng:	15.056.562.496		10.619.756.382

a) Chi tiết tiền mặt	VND	Ngoại tệ	Cộng
Tại quỹ Văn phòng công ty	385.452.475		385.452.475
Tại quỹ NTCS Hòa Bình 2	1.120.522		1.120.522
Tại quỹ NTCS Phong Phú	752.584		752.584
Tại quỹ Nhà máy SCCS Bàu Non	4.926.600		4.926.600
Tại quỹ Đội NN UĐCNC Thống Nhất 2	1.023.437		1.023.437
Tổng cộng:	393.275.618	-	393.275.618

b) Chi tiết tiền gửi ngân hàng	Tiền gửi VND	Tiền gửi USD	Cộng
Ngân hàng NN&PTNT Vũng tàu	1.636.850.853		1.636.850.853
Ngân hàng NN&PTNT Tỉnh Bà Rịa Vũng tàu	4.299.292		4.299.292
Ngân hàng NN&PTNT CN Phú Nhuận TP.HCM	802.000		802.000
HDBank - Chi nhánh Vũng Tàu	2.160.374		2.160.374
Maritime Bank - Chi nhánh Vũng Tàu	125.390		125.390
Vietcombank Bà Rịa	52.276.984		52.276.984
BIDVBank -Chi nhánh tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	858.886		858.886
Sacombank - CN huyện Châu Đức	966.617.414		966.617.414
Agribank - CN huyện Châu Đức	11.998.275.365		11.998.275.365
Ngân hàng TMCP Kiên Long CN BR – VT	1.020.320		1.020.320
Tổng cộng:	14.663.286.878		14.663.286.878

c) Chi tiết các khoản tương đương tiền	Số cuối kỳ		Số đầu năm
Tiền gửi kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống			-
Tổng cộng:			-
Tổng cộng:		-	

2. Các khoản đầu tư tài chính	Cuối kỳ			Đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2024

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

a) Chứng khoán kinh doanh						
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	Cuối kỳ			Đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ		Giá gốc	Giá trị ghi sổ	
b1) Ngắn hạn	136.100.000.000	136.100.000.000		136.100.000.000	136.100.000.000	
- Tiền gửi có kỳ hạn	136.100.000.000	136.100.000.000		136.100.000.000	136.100.000.000	
- Trái phiếu						
b2) Dài hạn						
- Tiền gửi có kỳ hạn						
- Trái phiếu						
- Các khoản đầu tư khác						
Tổng cộng (b1+b2)	136.100.000.000	136.100.000.000		136.100.000.000	136.100.000.000	
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	Cuối kỳ			Đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào đơn vị khác (*)	26.811.175.704			26.811.175.704		

(*) Đây là khoản vốn góp trong Công ty cổ phần dịch vụ xuất nhập khẩu nông lâm sản và phân bón Bà Rịa (Bariaserece) là 1.796.000 USD tương đương với 26.811.175.704 VND theo tỷ giá tại thời điểm góp vốn chiếm tỷ lệ 12% vốn điều lệ công ty này.

3. Phải thu khách hàng	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	10.053.059.164	4.588.004.935	7.111.095.895	4.589.004.935
Công ty TNHH MTV Phát Hưng Tây Ninh	4.079.180.000	4.079.180.000	4.079.180.000	4.079.180.000
Công ty TNHH SX TM Hòa Phát Thiện	428.164.889		-	
Công ty cổ phần cao su Hòa Bình	0		1.534.680.000	
Công ty TNHH SX TM Hải Gia Phúc	0		36.747.060	
Công ty CP cao su Xuân Lộc	1.976.733.440		-	
Ông Hoàng Thịnh	150.663.900		170.663.900	
Ông Trần Tuấn Thành	770.000.000		780.000.000	
Ông Lê Trung Hòa	884.936.000		-	
Ông Trương Minh Trí	1.254.556.000		-	
Các khách hàng là Đại lý bán cầm	508.824.935	508.824.935	509.824.935	509.824.935
b) Phải thu của khách hàng dài hạn				
c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan				
Tổng cộng:	10.053.059.164	4.588.004.935	7.111.095.895	4.589.004.935

4. Trả trước cho người bán	Cuối năm	Đầu năm
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.243.981.570	1.116.431.709
Công ty CP Đất Đỏ	340.000.000	340.000.000
Công ty CP tư vấn và thẩm định giá Đông Nam	82.500.000	82.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2024

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Công ty TNHH TM DV XD Tân Thành Phát	20.000.000		20.000.000
Công ty CP Công Nghệ Sinh học Cây Giống VN	364.434.630		188.978.190
Công ty CP Centric Việt Nam	-		51.800.000
Công ty CP Công nghiệp Nông Nghiệp Xanh	181.566.548		-
Công ty TNHH SXTM DV Nông nghiệp Châu Đức	10.370.000		-
Công ty cổ phần Đầu tư & Xây dựng SHS			
Cửa hàng DV và Vật tư Nông nghiệp Phương Thi	93.300.000		-
Cty TNHH TM DV Cơ Khí Nhôm Kính Hương Việt	144.300.000		34.992.000
Công ty TNHH XD TM SX Uy Long	-		387.172.510
Trả tiền vật tư , nguyên liệu	7.510.392		10.989.009
b. Trả trước cho người bán dài hạn			-
c) Trả trước cho người bán là các bên liên quan			-
Tổng cộng:	1.243.981.570		1.116.431.709

5. Phải thu khác	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	5.268.335.424	317.820.000	9.079.531.676	317.820.000
Công ty TNHH Phát Hưng Tây Ninh	317.820.000	317.820.000	317.820.000	317.820.000
Phải thu bảo hiểm người lao động	345.883.565		206.476.640	
Phải thu thuế TNCN người lao động	328.679.863		401.368.143	
Lãi tiền gửi phải thu	4.085.975.946		7.681.625.000	
Phải thu phụ cấp HDQT & Ban Kiểm soát				
Phải thu tiền tạm ứng người lao động	84.976.050		18.000.000	
Tiền ký quỹ (TK 2441)	5.000.000		5.000.000	
Phải thu khác	-		304.580.000	
Phải thu tiền thuế GTGT tính trước	-		44.661.893	
Phải thu về cổ phần hóa	100.000.000		100.000.000	
b) Dài hạn	-	-	-	-
Tổng cộng:	5.268.335.424	317.820.000	9.079.531.676	317.820.000

6. Dự phòng phải thu khó đòi	Cuối năm		Đầu năm
a. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.531.156.885		5.296.824.935
Công ty TNHH MTV Phát Hưng Tây Ninh	4.407.000.000		4.407.000.000
Dương Thị Yến	53.000.000		53.000.000
Lê Ngọc Tùng	10.000.340		10.000.340
Dương Minh Chiến	34.379.160		34.379.160
Nguyễn Văn Phước	6.550.000		6.550.000
Lê Thị Trúc Lệ	59.115.235		59.115.235
TT Khuyến Nông	8.320.000		8.320.000
Nguyễn Thanh Tự	58.300.000		58.300.000
Hoàng Thịnh	75.331.950		-
Anh Hoàng – Long Phước	2.933.500		2.933.500
Nguyễn Thị Hồng Phượng	246.776.700		246.776.700
Nguyễn Thanh Quang	10.450.000		10.450.000
Trần Tuấn Thành	539.000.000		380.000.000
Dương Văn Lợi	20.000.000		20.000.000
b. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	-		-
c. Dự phòng phải thu khó đòi là các bên liên	-		-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2024

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

quan			
Tổng cộng:	5.531.156.885		5.296.824.935

7. Tài sản thiếu chờ xử lý	Cuối năm		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
a) Tiền				
b) Hàng tồn kho				
c) TSCĐ				
d) Tài sản khác				

8. Nợ xấu	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Đối tượng nợ
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	
Tổng cộng:					

9. Hàng tồn kho	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng đang đi trên đường	-	-	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	7.099.859.159		5.433.361.027	
- Công cụ, dụng cụ	1.854.328.554		2.159.159.558	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	21.267.482.673		27.883.386.884	-
- Thành phẩm	21.044.169.670		7.182.149.958	
- Hàng hoá	-	-	-	-
Tổng cộng:	51.265.840.056	-	42.658.057.427	-

10. Tài sản dở dang dài hạn	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
a) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	-	-	-	-
Chi phí trồng tre và chuối tại PP&NTCS Hoà Bình 2	-		-	-
Chi phí trồng keo lai tại NTCS Phong Phú	-			
b) Xây dựng cơ bản dở dang	18.585.499.313	-	16.865.793.308	-
Vườn cây cao su tại NTCS Phong Phú	3.472.904.242		2.953.530.070	
Vườn cây cao su tại NTCS Hoà Bình	10.468.042.027		11.993.614.797	
Vườn Sầu Riêng Đội NNUDCNC TN1	4.561.220.555		1.835.315.952	

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2024

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Vườn Điều tại Đội CS Phong Phú	83.332.489		83.332.489	
Tổng cộng:	18.585.499.313	-	16.865.793.308	-

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Vườn cây cao su	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	65.723.707.311	16.819.672.341	6.308.707.929	416.583.621	107.407.061.708	196.675.732.910
- Mua trong năm		35.000.000	1.691.867.226	240.978.329		1.967.845.555
- Đầu tư XDCB hoàn thành						-
- Tăng khác						-
- Thanh lý, nhượng bán			508.113.000		7.933.536.366	8.441.649.366
- Giảm khác						
Số dư cuối năm	65.723.707.311	16.854.672.341	7.492.462.155	657.561.950	99.473.525.342	190.201.929.099
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	43.556.635.662	15.681.287.189	4.757.933.656	347.829.754	25.377.121.335	89.720.807.596
- Khấu hao trong năm	714.391.662	138.012.687	177.656.640	17.715.713	1.362.640.625	2.410.417.327
- Tăng khác						
- Thanh lý, nhượng bán			507.530.151		2.559.916.818	3.067.446.969
- Giảm khác						
Số dư cuối năm	44.271.027.324	15.819.299.876	4.428.060.145	365.545.467	24.179.845.142	89.063.777.954
Giá trị còn lại						
- Tại ngày đầu năm	22.167.071.649	1.138.385.152	1.550.774.273	68.753.867	82.029.940.373	106.954.925.314
- Tại ngày cuối năm	21.452.679.987	1.035.372.465	3.064.402.010	292.016.483	75.293.680.200	101.138.151.145

12. Tăng, giảm TSCĐ vô hình	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Chương trình phần mềm
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	-	-	-	340.000.000
- Mua trong năm				
- Thanh lý, nhượng bán				
Số dư cuối năm	-	-	-	340.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế				340.000.000
Số dư đầu năm	-	-	-	
- Khấu hao trong năm				-
- Thanh lý, nhượng bán				
Số dư cuối năm	-	-	-	-
Giá trị còn lại				
- Tại ngày đầu năm	-	-	-	-
- Tại ngày cuối năm	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2024

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

13. Chi phí trả trước	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí	Số cuối kỳ
a. Chi phí trả trước ngắn hạn	-	25.941.133.987	25.941.133.987	
Khấu hao tài sản cố định chờ phân bổ	-	5.901.155.095	5.901.155.095	
Chi phí tiền thuê đất nông nghiệp chờ phân bổ	-	9.256.015.765	9.256.015.765	
Chi phí bảo hiểm phải nộp chờ phân bổ	-	3.071.117.684	3.071.117.684	
Chi phí khác (Chi phí vật tư, CCDC chờ phân bổ, chi phí khác bằng tiền...)	-	7.712.845.443	7.712.845.443	
b. Chi phí trả trước dài hạn	3.854.465.375	7.116.031.454	3.673.810.118	7.296.686.711
Chi phí sửa chữa TSCĐ, CCDC xuất dùng	3.854.465.375	7.116.031.454	3.673.810.118	7.296.686.711
Tổng cộng:	3.854.465.375	33.057.165.441	29.614.944.105	7.296.686.711

14. Tài sản khác	Cuối năm	Đầu năm
a) Ngắn hạn:	-	-
- Thuế GTGT được khấu trừ		
b) Dài hạn	-	-
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Tổng cộng:	-	-

15. Phải trả người bán	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	3.007.545.075		1.493.301.662	
Trần Cường	23.050.000		30.400.000	
Nguyễn Ngọc Thạch	5.900.000		27.850.000	
Phạm Văn Sơn	39.650.000		33.650.000	
Ngô Văn Từ	9.600.000		37.250.000	
Trần Thị Chi	-		51.550.000	
Trần Thanh Tú	43.500.000		32.950.000	
Hà Quốc Linh	21.300.000		111.350.000	
Nguyễn Chí Lượng	18.400.000		34.550.000	
Nguyễn Thị Nhân	4.450.000		29.800.000	
Nguyễn Văn Hải	-		142.551.950	
Vũ Xuân Thắc	153.300.000		23.500.000	
Đỗ Đức Minh	19.550.000			
Công ty TNHH Toàn Phát Lộc	-		781.555.027	
Công ty CP cao su Hòa Bình	954.709.875		156.344.685	
Công ty TNHH Phân bón Duy Thiên	912.160.000		-	
Công ty TNHH TM Dầu Khí Thành Đại Phát	370.600.000		-	
Ký Hữu Trí	50.000.000			
Cty TNHH TM DV XNK Hồng Thái Dương	161.000.000			

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2024

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Chiu A Sy	79.500.000			
Công ty TNHH SX TM Mỹ Anh Phát	90.979.200			
Công ty TNHH Giấy YUEN FOONG YO Đồng Nai	49.896.000			
Công ty cổ phần SOP Phú Mỹ				
Công ty TNHH Phân bón Kiến Khoa				
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn				
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
d) Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết cho từng đối tượng)				

16. Người mua trả tiền trước	Số cuối kỳ		Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Hồng Tường	-		5.384.971.200
Công ty TNHH Real Farm	103.740.500		-
Bùi Văn Quý	-		160.269.400
Tiền phải thu từ khách hàng khác	319.151.398		26.875.198
Tổng cộng:	422.891.898		5.572.115.798

17. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	96.852.709	3.248.619.359	3.307.549.621	37.922.447
Thuế tiêu thụ đặc biệt				
Thuế Xuất nhập khẩu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	889.909.409	6.001.443.555	5.084.352.323	1.807.000.641
Thuế thu nhập cá nhân (*)		520.671.511	526.672.984	
Thuế tài nguyên	1.066.240	13.152.320	16.657.600	
Thuế nhà đất, tiền thuê đất		14.350.869.399	13.338.046.756	
Thuế bảo vệ môi trường				
Các loại thuế khác		9.000.000	9.000.000	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác				
Tổng cộng:	987.828.358	24.143.756.144	22.282.279.284	1.844.923.088
Trong đó:				
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	1.181.877.105			177.494.975
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước				

18. Phải trả người lao động	Cuối năm	Đầu năm
Tiền lương còn lại phải trả	8.826.689.170	8.928.179.710
Tổng cộng:	8.826.689.170	8.928.179.710

19. Chi phí phải trả	Cuối năm	Đầu năm
a) Ngắn hạn	256.648.000	271.228.600
Tiền ăn giữa ca		

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2024

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

- Đội cao su Phong Phú	11.840.000	10.998.000
- NTCS Hòa Bình	158.208.000	135.600.000
- Nhà máy CBM Bàu Non	20.800.000	12.978.000
- Đội NNUDCNC Thống Nhất 2	8.300.000	7.920.000
Chi phí kiểm toán BCTC, trích trước Đảng phí, quân sự	57.500.000	103.732.600
b) Dài hạn	256.648.000	271.228.600
Tổng cộng:	256.648.000	271.228.600

20. Phải trả khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	2.037.039.763	2.158.878.255
Công ty TNHH TK XD Núi Đất	42.000.000	42.000.000
Công ty TNHH XD TM DV ĐT Trần Văn	21.700.000	21.700.000
Công ty TNHH An Hạ	49.200.000	49.200.000
DNTN Lê Khánh	25.000.000	25.000.000
Công ty TNHH Hoàng Diệp	16.695.000	16.695.000
Công ty TNHH TM DV KT Thuận Phong	60.000.000	60.000.000
Cty TNHH MTCL Sài Gòn	13.824.971	13.824.971
Ông Lý Nhân Tâm		
Công ty TNHH Xây dựng Xuân Thọ	26.000.000	26.000.000
Công ty TNHH MTV Cơ Khí BK	39.622.000	39.622.000
Cơ khí Thanh Hào	-	26.524.390
Công ty TNHH TM DV Cơ Khí nhôm kính Hương Việt	27.386.297	11.262.600
Công ty TNHH Bảo Minh Anh	-	5.508.000
Công ty TNHH Đại Thiên Tân	10.366.296	10.366.296
Công ty TNHH XDTM SX Uy Long		0
Công ty TNHH SXTMDV-XNK Minh Quyền	-	288.584.628
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.457.518.297	1.275.162.968
Viện điều dưỡng Nông nghiệp (NT Cà phê)	247.426.902	247.26.902
Các khoản phải nộp khác (TCBHXH)	300.000	-
b) Dài hạn		
Công ty TNHH Kizuna		
Công ty TNHH SX TM DV Minh Quyền		
Tổng cộng:	2.037.039.763	2.158.878.255

21. Vay và nợ thuê tài chính	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		
Cộng		

22. Dự phòng nợ phải trả	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối năm
Chi phí hỗ trợ pháp lý				-
Chi phí trợ cấp thôi việc				
Tổng cộng:	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2024

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	5.678.039.200	2.824.466.760	3.289.870.000	5.212.635.960
Quỹ phúc lợi	9.105.385.713	6.653.404.440	4.503.312.944	11.255.477.209
Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ	-			
Quỹ khen thưởng ban quản lý, điều hành công ty	-	-	-	
Tổng cộng:	14.783.424.913	9.477.871.200	7.793.182.944	16.468.113.169

24. Vốn chủ sở hữu

<i>a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu</i>	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4
Số dư đầu năm trước	192.500.000.000	105.832.657.290	34.201.609.325	332.534.266.615
- Lãi trong năm nay				
- Lỗ trong năm nay				-
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển				-
- Trích lập quỹ khen thưởng, Phúc lợi				
- Trích lập quỹ khen thưởng ban điều hành				
- Chia cổ tức				
- Phụ cấp HĐQT & Ban KS				
- Giảm khác				
Số dư cuối năm trước	192.500.000.000	105.832.657.290	34.201.609.325	332.534.266.615
Số dư đầu năm nay	192.500.000.000	105.832.657.290	34.201.609.325	332.534.266.615
- Lãi trong năm nay			41.041.701.986	
- Lỗ trong năm nay				
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển				
- Giảm quỹ đầu tư phát triển				
- Trích lập quỹ khen thưởng, Phúc lợi				
- Trích lập quỹ khen thưởng ban điều hành				
- Chia cổ tức				
- Lợi nhuận năm trước còn giữ lại				
Số dư cuối kỳ	192.500.000.000	105.832.657.290	42.569.122.021	340.901.779.311
		Số cuối kỳ		Số đầu năm
- UBND Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (51%)		98.175.000.000		98.175.000.000
- Cổ đông khác (49%)		94.325.000.000		94.325.000.000
Cộng		192.500.000.000		192.500.000.000

c) Cổ phiếu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19.250.000	19.250.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2024

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng + <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	19.250.000 19.250.000		19.250.000 19.250.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ) + <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	19.250.000 19.250.000		19.250.000 19.250.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành + <i>Cổ phiếu phổ thông</i>			

*** Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000 VND**

25. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán	Số cuối kỳ		Số đầu năm
Tài sản nhận giữ hộ			
Ngoại tệ (USD)			
Nợ khó đòi đã xử lý			

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH:

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán mũ cao su	21.407.704.753	28.294.582.096	63.543.096.023	91.188.326.963
Doanh thu gia công mũ cao su	3.892.259.800	34.997.200	8.867.489.800	2.017.658.400
Doanh thu mũ SVR thu mua chế biến				318.848.000
Doanh thu bán chuối	16.589.676.300	4.403.231.200	68.168.958.500	32.046.642.600
Doanh thu bán chuối xen canh				
Doanh thu bán chuối hợp tác: (Minh Quyền)				1.487.200.000
Doanh thu khác	725.293.200		2.598.341.200	2.464.291.800
Tổng cộng	42.614.934.053	32.732.810.496	143.177.885.523	129.522.967.763

2. Các khoản giảm trừ doanh thu:	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại				
Giảm giá hàng bán				
Hàng bán bị trả lại				
Tổng cộng	-	-	-	-

3. Giá vốn hàng bán:	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán mũ cao su	12.995.752.942	20.268.182.342	43.340.812.037	78.704.793.195
Giá vốn gia công mũ cao su	2.842.259.445	32.180.363	7.307.461.571	1.687.622.788
Giá vốn mũ SVR thu mua chế biến				
Giá vốn bán chuối xen canh				
Giá vốn bán chuối	11.470.547.400	5.067.839.100	52.535.881.841	25.798.979.400

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2024

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Gía vốn bán chuỗi hợp tác				1.095.294.949
Gía vốn khác			976.792.455	842.568.711
Tổng cộng	27.308.559.787	25.368.201.805	104.160.947.904	108.129.259.043
Dự phòng (hoàn) giảm giá hàng tồn kho				
Tổng cộng	27.308.559.787	25.368.201.805	104.160.947.904	108.129.259.043

4. Doanh thu hoạt động tài chính:	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.681.097.784	3.002.905.366	7.762.409.547	11.833.179.238
Cổ tức, lợi nhuận được chia			9.210.563.146	12.322.484.535
Tổng cộng	1.681.097.784	3.002.905.366	16.972.972.693	24.155.663.773

5. Chi phí tài chính:	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay		2.025.205		465.781.370
Chi phí tài chính khác				
Tổng cộng		2.025.205		465.781.370

6. Chi phí bán hàng:	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí kiểm phẩm mủ cao su và bốc xếp	2.211.306.033	23.327.500	8.457.876.157	88.106.537
Chi phí vật tư đóng chuỗi thành phẩm		379.400.380		1.733.932.709
Tổng cộng	2.211.306.033	402.727.880	8.457.876.157	1.822.039.246

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp:	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	4.972.284.246	3.932.465.658	8.979.286.584	7.825.401.330
Khấu hao tài sản cố định	124.431.576	99.936.580	401.747.620	388.199.047
Phân bổ chi phí trả trước dài hạn				
Chi phí trợ cấp mất việc làm			213.420.000	249.137.000
Thuế, phí và lệ phí			3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khác bằng tiền	996.313.302	684.341.397	2.825.509.843	2.460.294.360
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu				
Tổng cộng	6.093.029.124	4.716.743.635	12.422.964.047	10.926.331.737
Các khoản giảm trừ chi phí quản lý		-	-	-
Tổng cộng	6.093.029.124	4.716.743.635	12.422.964.047	10.926.331.737

8. Thu nhập khác	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
------------------	--------	--	------------------------------------	--

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2024

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Thu từ thanh lý tài sản (Cây cao su thanh lý)	12.213.954.400		18.605.464.400	3.020.000.000
Thu từ bán mù bọt nhà máy, chuỗi thứ phẩm				49.025.000
Thu khác	325.010.356	570.078.781	2.357.499.620	3.744.993.816
Tổng cộng	12.538.964.756	570.078.781	20.962.964.020	6.814.018.816
<i>Giảm trừ giá trị còn lại và chi phí thanh lý cây cao su</i>	<i>(4.850.194.869)</i>		<i>(7.243.156.364)</i>	<i>(988.004.731)</i>
Tổng cộng	7.688.769.887	570.078.781	13.719.807.656	5.826.014.085

9. Chi phí khác	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí khấu hao tài sản	-	-	-	-
Chi phí thanh lý cây cao su				998.004.731
Chi phí khác	856.225.868	(240.071.302)	1.846.009.308	90.121.416
<i>Giảm trừ giá trị còn lại và chi phí thanh lý cây cao su</i>				
Tổng cộng	856.225.868	(240.071.302)	1.846.009.308	1.088.126.147

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	13.024.558.956	5.106.669.029	41.041.701.896	32.811.609.983
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	13.024.558.956	5.106.669.029	41.041.701.896	32.811.609.983
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	19.250.000	19.250.000	19.250.000	19.250.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	677	265	2.132	1.704

11. Chi phí SXKD theo yếu tố	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.006.138.943	10.477.636.590	39.745.062.282	35.150.381.536
- Chi phí công cụ dụng cụ	2.825.353.881	1.856.726.045	9.992.654.818	8.354.824.192
- Chi phí nhân công	14.230.943.041	14.405.794.534	47.898.001.582	46.850.548.800
- Chi phí khấu hao TSCĐ	2.410.417.027	2.558.594.899	10.234.595.812	9.923.844.829
- Chi phí khác bằng tiền	10.420.056.845	9.784.840.769	40.823.591.349	54.938.601.230
Cộng	38.892.909.737	39.083.592.837	148.693.905.843	155.218.200.587

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ:

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2024

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không
2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán: Không
3. Thông tin về các bên liên quan:

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên HĐQT. Ban kiểm toán nội bộ. Ban điều hành. thực nhận trong kỳ.

Phụ cấp Hội đồng Quản Trị và Ban Kiểm Toán Nội Bộ

Họ Và Tên	Chức vụ	Quý IV/2024	Lũy kế năm 2024
Nguyễn Hữu Mạnh Nhường	Chủ tịch - HĐQT	0	0
Nguyễn Nhật Thành Lâm	Phó Chủ tịch - HĐQT	30.000.000	120.000.000
Lê Trung Đức	Thành viên - HĐQT	15.000.000	60.000.000
Đỗ Khắc Tùng	Thành viên - HĐQT	15.000.000	60.000.000
Phan Văn Phú	Thành viên - HĐQT	15.000.000	60.000.000
Nguyễn Thanh Bình	Thành viên - HĐQT	30.000.000	120.000.000
Phạm Văn Sơn	Thành viên - HĐQT	15.000.000	60.000.000
Cộng		120.000.000	480.000.000

Lương Ban điều hành Công ty

Họ Và Tên	Chức vụ	Quý IV/2024	Lũy kế năm 2024
Nguyễn Hữu Mạnh Nhường	Chủ tịch - HĐQT	108.000.000	432.000.000
Nguyễn Nhật Thành Lâm	Tổng Giám Đốc	102.000.000	408.000.000
Trần Hữu Trí	Kế Toán Trưởng	60.000.000	240.000.000
Cộng		270.000.000	1.080.000.000

Giao dịch với các bên có liên quan

Căn cứ tại Điểm 1.1 Khoản 1. Điều 7 và Điểm 3.1. Khoản 3. Điều 10 Thông tư 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, các nghiệp vụ phát sinh chủ yếu với các bên liên quan:

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2024

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Nội dung nghiệp vụ	Mối quan hệ	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(đồng)
-Công ty bán cây cao su gãy đổ cho Công ty TNHH Hưng Nhơn	Cổ đông lớn.Vợ của thành viên HĐQT là Giám đốc Công ty.	-

- Văn phòng công ty bao gồm Nông trường cao su Hoà Bình 2; Đội cao su Phong Phú; Nhà máy chế biến mủ cao su Bàu Non.Đội Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Thống Nhất : Chuyên khai thác.sơ chế. kinh doanh cao su...

- Xí nghiệp chế biến nông sản Phước Hưng: Sơ chế; kinh doanh hạt điều; gia công điều nhân

BÁO CÁO BỘ PHẬN CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Đơn vị tính: đồng

Báo cáo bộ phận	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này		
	Văn phòng công ty	Đội NNUDCNC Thống Nhất 1, Đội Thống Nhất 2, Đội CS Phong Phú	Cộng
1, Doanh thu thuần	26.025.257.753	16.589.676.300	42.614.934.053
2. Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác			
3. Khấu hao	1.802.369.994	608.047.033	2.410.417.027
4. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.607.858.045	2.907.822.867	15.515.680.912
5. Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ			
6. Tài sản bộ phận	346.067.890.369	27.697.739.105	373.765.629.474
7. Tài sản không phân bổ			
Tổng Tài sản	346.067.890.369	27.697.739.105	373.765.629.474
8. Nợ phải trả bộ phận	32.863.850.163	-	32.863.850.163
9. Nợ phải trả không bộ phận			
Tổng Nợ phải trả	32.863.850.163	-	32.863.850.163


Ghi chú: Cột 4: Các số in đậm - khớp với số liệu trên Báo cáo KQKD và Bảng CĐKT

5. Thông tin so sánh:

6. Thông tin về hoạt động liên tục:

7. Những thông tin khác:

Người lập bảng


Lê Thị Kim Phương

Kế toán trưởng


Đinh Tấn Thông

Bà Rịa, ngày 17 tháng 01 năm 2025

Tổng Giám đốc


Nguyễn Nhật Thành Lâm